

Mẫu số 01

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**  
**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU**

Mã hồ sơ: .....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Y học; Chuyên ngành: Gây mê Hồi sức

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: **NGUYỄN ĐỨC LAM...**

2. Ngày tháng năm sinh: 19/9/1975; Nam  ; Nữ; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: Vĩnh Phong, Vĩnh Bảo, Hải Phòng

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 28, ngõ 191/63 phố Khương Thượng, phường Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ: Nguyễn Đức Lam

Số 28, ngõ 191/63 phố Khương Thượng, phường Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: (024) 36 856 120; Điện thoại di động: 0904 220 301

; E-mail: [lamgmhs75@gmail.com](mailto:lamgmhs75@gmail.com)

7. Quá trình công tác:

Từ 1993 - 1999: Sinh viên hệ chính quy, ngành học Bác sỹ Đa khoa, Trường Đại học Y Hải Phòng.

*Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước*

Từ 2000 - 2002: Học viên hệ Bác sỹ Nội trú bệnh viện khóa 24, chuyên ngành Gây mê hồi sức, Trường Đại học Y Hà Nội.

Từ 2002 - 2003: Thực tập sinh chương trình Bác sỹ Nội trú (FFI), chuyên ngành Gây mê hồi sức, Đại học Lille, Cộng hòa Pháp.

Từ 2003 - 2005: Học viên hệ Bác sỹ Nội trú bệnh viện khóa 25, chuyên ngành gây mê hồi sức, Trường Đại học Y Hà Nội.

Từ 2005 - 2006: Bác sỹ khoa Hồi sức ngoại, Bệnh viện Việt Tiệp, Hải Phòng.

Từ 2006 - 2014: Bác sỹ khoa Gây mê hồi sức, Bệnh viện Phụ sản Trung ương.

Từ 2014 - 2015: Giảng viên Bộ môn Gây mê hồi sức, Trường Đại học Y Hà Nội. Bác sỹ khoa Gây mê hồi sức Bệnh viện Phụ sản Hà Nội.

2015 - nay (2021): Giảng viên Bộ môn Gây mê hồi sức, Trường Đại học Y Hà Nội. Phó Trưởng khoa Gây mê hồi sức, Bệnh viện Phụ sản Hà Nội...

Chức vụ hiện nay: Giảng viên Bộ môn Gây mê hồi sức, Trường Đại học Y Hà Nội; Phó Bí thư Chi bộ Lâm sàng 5, Đảng bộ Bệnh viện Phụ sản Hà Nội. Phó Trưởng khoa Gây mê hồi sức, Bệnh viện Phụ sản Hà Nội.

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng khoa Gây mê hồi sức, Bệnh viện Phụ sản Hà Nội.

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Gây mê hồi sức - Trường Đại học Y Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: Số 1, Tôn Thất Tùng, Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại cơ quan.: (+84)02 438523798;

Địa chỉ E-mail: [daihocyhn@hmu.edu.vn](mailto:daihocyhn@hmu.edu.vn); Fax: (+84 024) 438525115

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học: Không

8. Đã nghỉ hưu từ tháng .....năm .....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): .....

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 10 tháng 9 năm 1999, ngành: Y, chuyên ngành: Bác sỹ Đa khoa.

Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Y Hải Phòng, Việt Nam.

- Được cấp bằng Bác sỹ Nội trú Bệnh viện ngày 20 tháng 10 năm 2005, ngành: Y, chuyên ngành: Gây mê hồi sức.

Nơi cấp bằng Bác sỹ Nội trú Bệnh viện: Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 14 tháng 8 năm 2009, ngành: Y, chuyên ngành: Gây mê hồi sức

Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 30 tháng 12 năm 2013, ngành: Y, chuyên ngành: Gây mê hồi sức.

Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ....; số văn bằng: .....; ngành: .....; chuyên ngành: .....; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): .....

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ..... tháng ..... năm ..... , ngành: .....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư. tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Y Hà Nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Y học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- **Gây mê hồi sức cho một số bệnh lý nặng trong sản phụ khoa (tiền sản giật, bệnh tim, rau cài răng lược...).**

- **Gây tê vùng để phẫu thuật lấy thai (Gây tê tủy sống, gây tê ngoài màng cứng, gây tê tủy sống – ngoài màng cứng phối hợp).**

- **Giảm đau cấp trong đẻ và sau mổ (Giảm đau trong chuyển dạ đẻ, giảm đau sau phẫu thuật sản phụ khoa và một số loại phẫu thuật khác).**

- **Gây mê cho một số loại phẫu thuật đặc biệt (phẫu thuật ra viện trong ngày, phẫu thuật Nhi khoa, phẫu thuật trong buồng tử cung và các phẫu thuật khác).**

- **Nghiên cứu về yếu tố tâm lý, yếu tố kinh tế xã hội ảnh hưởng đến việc sinh đẻ và chăm sóc sơ sinh của các sản phụ**

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn chính: 11 HVCH, HV Bác sỹ Nội trú bảo vệ thành công luận văn Thạc sỹ.

- Đang hướng dẫn: 03 HVCH làm luận văn Thạc sỹ y học.

- Đã chủ trì 09 đề tài NCKH cấp cơ sở đã nghiệm thu đạt loại xuất sắc.

- Đã công bố 96 bài báo khoa học, trong đó 06 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế uy tín

- Số sách đã xuất bản: 08 cuốn dùng cho đào tạo;

- Đã được cấp (số lượng) ..... bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản .08 cuốn sách , tất cả đều thuộc nhà xuất bản có uy tín trong nước;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: .....

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Bằng khen của Bộ trưởng Bộ y tế năm 2007.

Bằng khen của Công đoàn y tế Việt Nam năm 2010.

Giấy khen của Giám đốc Sở y tế Hà Nội 2020.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

## B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

### 1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Trung thành với Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa, yêu nghề, thương yêu tận tụy, dạy dỗ sinh viên, học viên, yêu quý và có trách nhiệm trong điều trị người bệnh.
- Là một cán bộ giảng dạy mẫu mực, có tinh thần trách nhiệm cao, đồng thời là một cán bộ hết lòng vì công việc, vì sự phát triển bền vững của Bộ môn Gây mê hồi sức, Trường Đại học Y Hà Nội cũng như của khoa Gây mê hồi sức, Bệnh viện Phụ sản Hà Nội.
- Gương mẫu, trung thực, lối sống khiêm tốn và giản dị
- Quan hệ tốt với đồng nghiệp, với sinh viên, học viên đúng mực. Luôn chia sẻ kinh nghiệm và kiến thức cho sinh viên, học viên và đồng nghiệp.
- Chấp hành đầy đủ các nội quy, quy định trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học của Nhà trường và các qui định của Bệnh viện.
- Có đầy đủ giáo trình, giáo án, chuẩn bị bài đầy đủ khi lên lớp. Lên lớp đúng giờ.
- Giảng dạy đảm bảo chất lượng tốt, đạt hiệu quả về các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ cho học viên và sinh viên. Kết hợp tốt giữa giảng dạy và nghiên cứu khoa học cũng như phục vụ bệnh nhân.

Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, có các đóng góp xây dựng Bộ môn, Nhà trường và Bệnh viện.

### 2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 08. năm.
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2015-2016			01		20	418,4	438,4/508,4/270
2	2016-2017			02		20	361,4	381,4/521,4/270
3	2017-2018			02		20	305,8	325,8/465,8/270
3 năm học cuối								
4	2018-2019			02	01	20	320	340/505/270
5	2019-2020			04		45	310,4	355,4/635,4/270
6	2020-2021			03 (chưa BV)		40	342,4	342,4/342,4/270

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

### 3. Ngoại ngữ:

#### 3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Pháp

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH; tại nước: ..... năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ..... số bằng: .....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): .....

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: Tiếng Pháp B2 Châu Âu.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): .....

#### 4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Anh Thơ		x	x		2015-2016	Đại học Y Hà Nội	18/1/2017
2	Phạm Lê Hoàn		x	x		2016-2017	Đại học Y Hà Nội	11/1/2018
3	Đoàn Trung Quyền		x	x		2016-2017	Đại học Y Hà Nội	11/1/2018
4	Nguyễn Thị Thanh		x	x		2017-2018	Đại học Y Hà Nội	3/12/2018
5	Bùi Minh Hồng		x	x		2017-2018	Đại học Y Hà Nội	3/12/2018
6	Nguyễn Duy Khánh		x	x		2018-2019	Đại học Y Hà Nội	16/12/2019
7	Nguyễn Thị Thu Ba		x	x		2019-2020	Đại học Y Hà Nội	15/1/2021

8	Võ Thế Trung		x	x		2019-2020	Đại học Y Hà Nội	15/1/2021
9	Vũ Văn Hiệp		x	x		2019-2020	Đại học Y Hà Nội	15/1/2021
10	Trần Thị Phương		x	x		2019-2020	Đại học Y Hà Nội	15/1/2021
11	Lê Anh Tuấn		x	x		2018-2019	Đại học Y Hà Nội	16/12/2019

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cs GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
<b>Sau khi bảo vệ Tiến sĩ</b>							
1	Gây mê hồi sức (Giáo trình dùng cho đào tạo sau đại học)	GT	Nhà xuất bản y học, năm 2014 ISBN :978-604-66-0719-9 Số xác nhận đkxb: 936-2014/CXB/2-59/YH	12		Tham gia biên soạn từ tr.241-247 và từ tr.301-311	Quyết định số 3390/QĐ-ĐHYHN ngày 25/9/2014
2	Gây mê hồi sức Sản khoa - những điều cần biết	TK	Nhà xuất bản y học, 2014 ISBN:978-604-66-0824-0 Số xác nhận đkxb: 1552-2014/CXB/4-108/YH	2	Đồng chủ biên		Quyết định số 1428/QĐ-ĐHYHN ngày 23/5/2016
3	Xử trí hồi sức cấp cứu trong sản phụ khoa	TK	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016 ISBN:978-604-62-6944-1 Số xác nhận đkxb: 4387-2016/CXBIPH/01-350/ĐHQGHN	2		Tham gia biên soạn từ tr.47-109	Quyết định số 4793/QĐ-ĐHYHN ngày 26/10/2017
4	Giáo trình Sản phụ khoa, tập 2	GT	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017 ISBN:987-604-62-8154-2 Số xác nhận đkxb:930-2017/CXBIPH/1-143/ĐHQGHN	4		Tham gia biên soạn Từ tr.395-420	Quyết định số 4793/QĐ-ĐHYHN ngày 26/10/2017

5	Bài giảng Gây mê hồi sức cơ sở	GT	Nhà xuất bản Y học, 2017 ISBN:978-604-66-2693-0 Số xác nhận đkxb: 1412-2017/CXBIPH/9-49/YH	14		Tham gia biên soạn từ 164-167	Quyết định số 4793/QĐ-ĐHYHN ngày 26/10/2017
6	Gây mê hồi sức cho sản phụ tiền sản giật, sản giật : Cơ sở lý luận và áp dụng lâm sàng	CK	Nhà xuất bản Y học, 2019 ISBN: 978-604-66-3708-0 Số xác nhận đkxb: 2004-2019/CXBIPH/2-79/YH	1	Chủ biên		Quyết định số 4793/QĐ-ĐHYHN ngày 17/7/2019
7	Giáo trình gây mê, tập 2: Vô cảm trong phẫu thuật	GT	Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2019 ISBN:978-604-51-5454-0 Số xác nhận đkxb:3341-2019/CXXBIPH/12-386/QQĐND	20		Tham gia biên soạn từ: 296-234 và từ: 502-517	Quyết định số 1965/QĐ-HVQY Ngày 12/6/2019
8	Sản khoa	GT	Nhà xuất bản Y học, 2020 ISBN:978-604-66-4611-2 Số xác nhận đkxb:4669-2020/CXBIPH/2-167/YH	27		Tham gia biên soạn từ: 262-268	

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 01 sách chuyên khảo.....

**Lưu ý:**

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

<b>TT</b>	<b>Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)</b>	<b>CN/PCN /TK</b>	<b>Mã số và cấp quản lý</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ</b>
1	Nghiên cứu hiệu quả giảm đau sau phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn đường bụng của gây tê ngoài màng cứng bằng truyền liên tục Levobupivacain 0,075% và Fentanyl 1 mcg/ml	CN	2667/QĐ-SYT/2016 ĐT cấp cơ sở	2016	15/12/2016 Xuất sắc
2	Nghiên cứu hiệu quả của phương pháp an thần do bệnh nhân tự điều khiển bằng Propofol trong hút thai dưới 12 tuần	CN	2660/QĐ-SYT/2016 ĐT cấp cơ sở	2016	15/12/2016 Xuất sắc
3	Đánh giá hiệu quả của Phenylephrin điều trị hạ huyết áp trong gây tê tủy sống để mổ lấy thai	CN	CS/PSHN/17/02 ĐT cấp cơ sở	2017	13/10/2017 Xuất sắc
4	Đánh giá hiệu quả giảm đau trong chuyển dạ của gây tê ngoài màng cứng bằng Ropivacain ở hai nồng độ 0,1% và 0,15% phối hợp Fentanyl 2mcg/ml	CN	CS/PSHN/17/03 ĐT cấp cơ sở	2017	13/10/2017 Xuất sắc
5	So sánh tác dụng của gây tê tủy sống bằng Ropivacain các liều thấp khác nhau kết hợp Fentanyl cho phẫu thuật phụ khoa ra viện trong ngày	CN	CS/PSHN/18/06 ĐT cấp cơ sở	2018	20/11/2018 Xuất sắc
6	Đánh giá hiệu quả dự phòng tụt huyết áp của Phenylephrin trong gây tê tủy sống để mổ lấy thai	CN	CS/PSHN/18/07 ĐT cấp cơ sở	2018	20/11/2018 Xuất sắc
7	Bước đầu nhận xét giảm đau sau mổ lấy thai bằng phương pháp gây tê cơ vuông thắt lưng dưới hướng dẫn của siêu âm	CN	CS/PSHN/19/11 ĐT cấp cơ sở	2019	18/11/2019 Xuất sắc
8	Đánh giá tác dụng dự phòng nôn và buồn nôn của Ondansetron, Dexamethasone hoặc metoclopramid trong và sau gây tê tủy sống để mổ lấy thai	CN	: CS/PSHN/DC/20/10 ĐT cấp cơ sở	2020	11/11/2020 Xuất sắc
9	Đánh giá tác dụng giảm đau sau mổ cắt tử cung hoàn toàn đường bụng của phương pháp gây tê mặt phẳng cơ ngang bụng dưới hướng dẫn của siêu âm	CN	CS/PSHN/DC/20/09 ĐT cấp cơ sở	2020	20/11/2020 Xuất sắc



- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
<b>Trước khi bảo vệ luận án Tiến sĩ</b>								
1.	Nghiên cứu kết hợp bupivacain với morphin trong gây tê tủy sống để mổ và giảm đau sau mổ lấy thai	3		Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			352/1 ; 47-52	2008
2.	So sánh tác dụng trên tim mạch và tác dụng gây co cơ tử cung trong mổ lấy thai khi sử dụng oxytocin tiêm tĩnh mạch trực tiếp có hay không pha loãng hoặc truyền tĩnh mạch	3		Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			353/1 ; 28-34	2009
3.	Đánh giá tác dụng của ropivacain 0,1% phối hợp với fentanyl 2 mcg/ml gây tê ngoài màng cứng giảm đau trong đẻ	2	x	Tạp chí thông tin y dược ISSN:0868-3891			6; 26-28	2010
4.	So sánh hiệu quả và các tác dụng phụ của gây tê tủy sống với gây mê nội khí quản để mổ lấy thai ở bệnh nhân tiền sản giật nặng	3	x	Tạp chí y học thực hành ISSN:1859-1663			744; 101-105	2010
5.	Đánh giá hiệu quả của phương pháp gây tê tủy sống và ngoài màng cứng phối hợp (CSE) trong vô cảm đẻ mổ và giảm đau sau mổ lấy thai ở bệnh nhân tiền sản giật nặng	3	x	Tạp chí Phụ sản ISSN:1859-3844			10/2; 213-218	2012

<b>Sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ</b>								
<b>Công trình khoa học đăng trên tạp chí quốc tế</b>								
6.	The spinal anesthesia and combined spinal epidural anesthesia versus general anesthesia for cesarean section in severe pre-eclampsia: A Randomized controlled trial study	2	x	Sciences of Europe, Medical ISSN:3162-2364			2/19; 45-49	2017
7.	Valuating concentration of CEA, CA 19-9 and some biochemical parameters in patients with colorectal cancer	3		Asian Journal of Research in pharmaceutical sciences and biotechnology ISSN:2349-7114 DOI: <a href="https://doi.org/10.5958/24542652.2018.00020.3">10.5958/24542652.2018.00020.3</a>			5/3; 42-48	2017
8.	Comparison of Doppler-Guided Transanal Hemorrhoidal Dearterialization for Grade III and IV Hemorrhoids in Vietnam	6		<u>Advances in Therapy</u> DOI: <a href="https://doi.org/10.1007/s12325-019-00948-z">https://doi.org/10.1007/s12325-019-00948-z</a>	ISI Scopus IF: 4.9 (Q1)		10/4; 1-10	2019
9.	Socioeconomic inequalities in post-natal health checks for the newborn in Vietnam	6	x	International Journal for Equity in Health DOI: <a href="https://doi.org/10.1186/s12939-019-1029-8">https://doi.org/10.1186/s12939-019-1029-8</a>	ISI Scopus IF: 3.9 (Q1)		18:28	2019
10.	Case Report: Epidural Abscess Following Obstetric Epidural Anesthesia in Vietnam	8	x	International Medical Case Reports Journal DOI: <a href="https://doi.org/10.2147/IMC.RJ.5301536">https://doi.org/10.2147/IMC.RJ.5301536</a> .	ISI Scopus PubMed IF:0.8 (Q3)		2021: 14, 301-305	2021

11.	Sociodemographic Factors Associated with Request for Labor Epidural Analgesia in a tertiary Obstetric Hospital in Vietnam	8	x	Biomed Research International DOI:https://doi.org/10.1155/2021/8843390	ISI Scopus IF: 3,4 (Q2)		Volume 2021	2021
12.	Fear of Childbirth and preferences for Prevention Services among Urban Pregnant Women in a Developing Country: A Multicenter, Cross-Sectional Study	12	x	International Journal of Environmental Research and Public Health DOI:https://doi.org/10.3390/ijerph18105382	ISI Scopus PubMed IF: 3,4 (Q1)		2021	2021
13.	Prenatal diagnosis of atrioventricular discordance with ventriculoarterial concordance by fetal echocardiography: A case report	7	Corresponding author	Taiwanese Journal of Obstetrics and Gynecology	Scopus PubMed IF: 1.7 (Q3)		(Chấp nhận đăng 29/4/2021)	2021
<b>Công trình khoa học đăng trên tạp chí trong nước</b>								
14.	Đánh giá hiệu quả của phương pháp gây tê tủy sống và gây tê tủy sống – ngoài màng cứng phối hợp để mổ lấy thai ở bệnh nhân tiền sản giật nặng	3	x	Tạp chí y học thực hành ISSN:1859-1663			885; 131-135	2013
15.	Nghiên cứu tác dụng giảm đau sau mổ lấy thai bằng morphin ngoài màng cứng liều duy nhất	4		Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			1; 85-88	2014
16.	So sánh tác dụng giảm đau trong chuyển dạ đẻ bằng gây tê ngoài màng cứng giữa Ropivacain 0,125% và Bupivacain 0,125%	3		Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			437/1 ; 59-62	2015

17.	So sánh tác dụng gây tê tủy sống bằng Bupivacain kết hợp Clonidin với Bupivacain đơn thuần trong phẫu thuật lấy thai	3		Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			1; 135-138	2015
18.	Đánh giá bước đầu về thuốc tê mới ropivacain trong gây tê tủy sống để mổ cắt tử cung hoàn toàn đường bụng tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội	3		Tạp chí y dược lâm sàng 108 ISSN:1859-2872			10/1; 91-94	2015
19.	Đánh giá tác dụng vô cảm của gây tê tủy sống bằng hỗn hợp Ropivacain 0,5% - Fentanyl trong phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn đường bụng	3		Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			432/1 ; 88-91	2015
20.	Nghiên cứu phương pháp giảm đau do bệnh nhân tự điều khiển (PCA) với morphin tĩnh mạch sau mổ tim hở	2	x	Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			2; 92-95	2015
21.	Đánh giá hiệu quả của thuốc tê Regivell trong gây tê tủy sống để mổ lấy thai	4		Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			2; 69-73	2015
22.	Trường hợp ngừng tuần hoàn trong mổ lấy thai ở bệnh nhân rau tiền đạo trung tâm	2		Tạp chí y học thực hành ISSN:1859-1663			988/1 2; 83-84	2015
23.	So sánh ảnh hưởng trên tuần hoàn, hô hấp và các tác dụng không mong muốn của giảm đau trong chuyển dạ đẻ bằng gây tê ngoài màng cứng giữa Ropivacain 0,125% và Bupivacain 0,125%	3		Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			437/2 ; 113-117	2015

24.	Nhân một trường hợp ngộ độc nước khi phẫu thuật nội soi trong buồng tử cung	2		Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			436/2 ; 138-141	2015
25.	Bước đầu nghiên cứu ảnh hưởng của vị trí gây tê và tư thế sản phụ trong gây tê tủy sống bằng bupivacain 0,5% tỷ trọng cao phối hợp với Fentantl trong mổ lấy thai	4		Tạp chí y học thực hành ISSN:1859-1663			952/2 ; 59-63	2015
26.	Nhân một trường hợp nghi gan nhiễm mỡ cấp ở phụ nữ có thai	2		Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			438/2 ; 123-125	2016
27.	Nghiên cứu phương pháp giảm đau trong chuyển dạ đẻ bằng gây tê ngoài màng cứng tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội từ tháng 1/2010 đến tháng 10/2015	3		Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			441/1 ; 94-97	2016
28.	Nghiên cứu phương pháp giảm đau sau mổ lấy thai bằng gây tê ngoài màng cứng với ropivacain 0,125%	2		Tạp chí y học thực hành ISSN:1859-1663			1015; 165-167	2016
29.	Nghiên cứu hiệu quả của phương pháp gây tê tủy sống và ngoài màng cứng phối hợp để mổ và giảm đau sau mổ cắt tử cung hoàn toàn tại bệnh viện Phụ sản Trung ương	2		Tạp chí y học thực hành ISSN:1859-1663			1015; 218-220	2016
30.	Đánh giá hiệu quả điều trị nôn và buồn nôn sau mổ nội soi phụ khoa của ondansetron và dexamethason	3		Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			450/2 ; 31-33	2017

31.	Nghiên cứu hiệu quả của phương pháp an thần do bệnh nhân tự điều khiển bằng propofol trong hút thai dưới 12 tuần	2		Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			456/1 ; 55-58	2017
32.	Đánh giá tác dụng dự phòng tụt huyết áp của Rheosorbilact truyền trước khởi mê ở người cao tuổi	3		Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			456/2 ; 31-34	2017
33.	Đánh giá hiệu quả giảm đau trong chuyển dạ đẻ của gây tê ngoài màng cứng bằng Ropivacain ở hai nồng độ 0,1% và 0,15% cùng phối hợp với fentanyl 2 mcg/ml	2		Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			457/2 ; 71-75	2017
34.	Đánh giá hiệu quả của Phenylephrin điều trị tụt huyết áp trong gây tê tủy sống để mổ lấy thai	2		Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			457/2 ; 20-24	2017
35.	Nghiên cứu tác dụng giảm đau sau mổ nội soi cắt tử cung hoàn toàn của phương pháp tiêm thấm ropivacain 0,25% vào vị trí chọc trocar.	3		Tạp chí y dược lâm sàng 108 ISSN:1859-2872			12/4; 110-114	2017
36.	So sánh các tác dụng không mong muốn của Levobupivacain và Bupivacain cùng phối hợp fentanyl 1 mcg/ml và adrenalin 5 mcg/ml đường ngoài màng cứng để giảm đau sau mổ cắt tử cung hoàn toàn đường bụng	3	x	Tạp chí y dược lâm sàng 108 ISSN:1859-2872			12/4; 79-85	2017
37.	Giá trị của siêu âm tim qua thực quản trong phẫu thuật ung thư thận có biến chứng huyết khối tĩnh mạch chủ dưới	1	x	Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			457/1 ; 30-33	2017

38.	So sánh tác dụng dự phòng nôn và buồn nôn sau mổ nội soi phụ khoa của ondansetron với dexamethason	3		Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			450/1 ; 45-48	2017
39.	Đánh giá hiệu quả vô cảm và khả năng kiểm soát đường thở khi gây mê bằng Sevofluran trong nội soi can thiệp đường hô hấp ở trẻ em	3		Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			458/1 ; 41-45	2017
40.	Nghiên cứu các tác dụng không mong muốn của Rheosorbilact truyền trước khởi mê để dự phòng tụt huyết áp ở bệnh nhân cao tuổi	3	x	Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			456/1 ; 118-121	2017
41.	Đánh giá sự thay đổi về tuần hoàn, hô hấp và các tác dụng không mong muốn của phương pháp an thần do bệnh nhân tự điều khiển bằng Propofol trong hút thai	3	x	Tạp chí y dược lâm sàng 108 ISSN:1859-2872			11/7; 132-136	2017
42.	Đánh giá các tác dụng không mong muốn khi gây mê bằng Sevofluran trong nội soi phế quản ở trẻ em	2	x	Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			459/1 ; 106-109	2017
43.	Đánh giá hiệu quả giảm đau sau mổ cắt tử cung hoàn toàn đường bụng của phương pháp giảm đau ngoài màng cứng do bệnh nhân tự điều khiển với Bupivacain và Fentanyl	1	x	Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			458/2 ; 78-82	2017

44.	Đánh giá ảnh hưởng lên tuần hoàn, hô hấp và các tác dụng không mong muốn của an thần bằng propofol trong gây tê tủy sống để phẫu thuật tiết niệu, sinh dục	2		Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			458/2 ; 144-148	2017
45.	Đánh giá hiệu quả giảm đau trong chuyển dạ đẻ của phương pháp gây tê cạnh cổ tử cung bằng Bupivacain 0,25%	3		Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			458/1 ; 105-108	2017
46.	Nghiên cứu sự thay đổi các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của tiền sản giật nặng sau mổ lấy thai	1	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868			459/2 ; 101-105	2017
47.	Đánh giá tình trạng trẻ sơ sinh sau mổ lấy thai của các sản phụ tiền sản giật nặng được vô cảm bằng gây mê toàn thân hoặc gây tê vùng	1	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868			459/2 ; 46-50	2017
48.	Nghiên cứu các tác dụng không mong muốn của oxytocin trong mổ lấy thai khi tiêm tĩnh mạch trực tiếp có hay không pha loãng hoặc truyền tĩnh mạch	1	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868			459/2 ; 147-150	2017
49.	So sánh tác dụng giảm đau trong chuyển dạ đẻ đường ngoài màng cứng bằng ropivacain 0,1% với levobupivacain 0,1%	2	x	Tạp chí y dược lâm sàng 108 ISSN:1859-2872			12/8; 172-176	2017
50.	Nhận xét kết quả của các phương pháp xử trí chảy máu sau đẻ tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội năm 2014	2	x	Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			459/1 ; 168-171	2017



51.	Nghiên cứu các tác dụng không mong muốn trên mẹ và con của Phenylephrin điều trị tụt huyết áp trong gây tê tủy sống để mổ lấy thai	2	x	Tạp chí y dược lâm sàng 108 ISSN:1859-2872			12/9; 115-121	2017
52.	Đặc điểm lâm sàng và gây mê hồi sức để mổ lấy thai ở bệnh nhân rau cài răng lược tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội	2		Tạp chí y dược lâm sàng 108 ISSN:1859-2872			12/9; 108-114	2017
53.	Nghiên cứu tác dụng trên tuần hoàn và các tác dụng không mong muốn của giảm đau ngoài màng cứng sản khoa bằng ropivacain ở hai nồng độ 0,1% và 0,15% cùng phối hợp với fentanyl	2	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN:1859-1868			459/1 ; 59-62	2017
54.	Đánh giá sự an toàn và các tác dụng không mong muốn của phương pháp giảm đau ngoài màng cứng do bệnh nhân tự điều khiển với Bupivacain và Fentanyl sau mổ cắt tử cung hoàn toàn đường bụng	1	x	Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			458/1 ; 188-191	2017
55.	Đánh giá tác dụng trên cuộc chuyển dạ và các tác dụng không mong muốn khác của gây tê cạnh cổ tử cung bằng bupivacain giảm đau trong chuyển dạ đẻ	2	x	Tạp chí y dược lâm sàng 108 ISSN:1859-2872			13/3; 133-137	2018
56.	So sánh tác dụng dự phòng tụt huyết áp của dung dịch Voluven 6% với Ringerlactat trong gây tê tủy sống để mổ lấy thai	2		Tạp chí y dược lâm sàng 108 ISSN:1859-2872			13/5; 51-56	2018

57.	Đánh giá hiệu quả giảm đau sau phẫu thuật nội soi khớp gối của phương pháp gây tê liên tục thần kinh đùi kết hợp gây tê thần kinh hông to dưới hướng dẫn siêu âm	3		Tạp chí y dược lâm sàng 108 ISSN:1859-2872			13/5; 75-81	2018
58.	Đánh giá hiệu quả giảm đau trong chuyển dạ đẻ của gây tê ngoài màng cứng do sản phụ tự điều khiển bằng ropivacain ở các nồng độ và liều lượng khác nhau phối hợp với fentanyl	2		Tạp chí y dược lâm sàng 108 ISSN:1859-2872			13/2; 130-135	2018
59.	So sánh tác dụng không mong muốn của gây tê ngoài màng cứng bằng hỗn hợp ropivacain – fentanyl với bupivacain – fentanyl để giảm đau trong chuyển dạ đẻ	2	x	Tạp chí y dược lâm sàng 108 ISSN:1859-2872			13/4; 80-86	2018
60.	So sánh các tác dụng không mong muốn của gây tê khoang cứng bằng levobupivacain – fentanyl với bupivacain – fentanyl trong phẫu thuật vùng dưới rốn ở trẻ em	2	x	Tạp chí y dược lâm sàng 108 ISSN:1859-2872			13/5; 63-69	2018
61.	Nghiên cứu tác dụng trên tuần hoàn, hô hấp và các tác dụng không mong muốn khác của gây tê tủy sống bằng ropivacain – fentanyl trong mổ cắt tử cung hoàn toàn đường bụng	2	x	Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			464/2 ; 71-74	2018

62.	So sánh tác dụng giảm đau sau mổ cắt tử cung hoàn toàn đường bụng của gây tê ngoài màng cứng bằng levobupivacain 0,075% với bupivacaine 0,075% cùng phối hợp với fentanyl và adrenalin	2		Tạp chí y dược lâm sàng 108 ISSN:1859-2872			13/3; 138-143	2018
63.	So sánh các tác dụng không mong muốn trên mẹ và con của giảm đau trong chuyển dạ bằng gây tê ngoài màng cứng do sản phụ tự điều khiển với Ropivacain ở các nồng độ khác nhau phối hợp với fentanyl	2	x	Tạp chí y dược lâm sàng 108 ISSN:1859-2872			13/3; 144-150	2018
64.	Tìm hiểu tình trạng thai chậm phát triển trong tử cung ở thai phụ mắc hội chứng kháng phospholipid	2		Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			462/1; 141-144	2018
65.	So sánh tác dụng của gây tê tủy sống bằng ropivacain các liều thấp khác nhau kết hợp fentanyl cho phẫu thuật phụ khoa vùng tầng sinh môn	2		Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			469/1 và 469/2; 118-121	2018
66.	Đánh giá hiệu quả dự phòng tụt huyết áp của phenylephrin truyền liên tục trong gây tê tủy sống để mổ lấy thai	2		Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			469/1 và 469/2; 152-155	2018
67.	So sánh hiệu quả giảm đau trong chuyển dạ của gây tê ngoài màng cứng do bệnh nhân điều khiển bằng ropivacain 0,1% và fentanyl 2 mcg/ml với các liều duy trì khác nhau	3		Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			471/1; 183-188	2018

68.	Nghiên cứu tác dụng trên tuần hoàn, hô hấp và các tác dụng không mong muốn khác của dung dịch Voluven 6% trong gây tê tủy sống để mổ lấy thai	2	x	Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			464/2 ; 107-110	2018
69.	Đánh giá ảnh hưởng trên hô hấp, tuần hoàn và các tác dụng không mong muốn khác của giảm đau do bệnh nhân tự điều khiển với morphin tĩnh mạch sau mổ tim hở	1	x	Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			464/2 ; 35-39	2018
70.	Nghiên cứu tác dụng trên tuần hoàn, hô hấp và các tác dụng không mong muốn của giảm đau sau mổ nội soi cắt tử cung hoàn toàn bằng tiêm ropivacain 0,25% vào vị trí chọc trocar	2	x	Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			464/1 ; 75-78	2018
71.	Nghiên cứu ảnh hưởng trên hô hấp, tuần hoàn và các tác dụng không mong muốn khác của gây tê tủy sống bằng bupivacain + morphin để mổ và giảm đau sau mổ lấy thai	1	x	Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			464/1 ; 30-34	2018
72.	Đánh giá hiệu quả và tác dụng không mong muốn của gây tê ngoài màng cứng giảm đau trong chuyển dạ tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội	2		Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			477/2 : 158-161	2019
73.	Đánh giá sự hài lòng của sản phụ và nhân viên y tế với phương pháp gây tê ngoài màng cứng giảm đau trong chuyển dạ tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội	2	x	Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			478/1 ; 63-65	2019

74.	Nghiên cứu tác dụng không mong muốn trên mẹ và con của Phenylephrin truyền liên tục dự phòng tụt huyết áp trong gây tê tủy sống để mổ lấy thai	2	x	Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			478/2 : 63-66	2019
75.	So sánh ảnh hưởng lên tuần hoàn, hô hấp và các tác dụng không mong muốn khác của gây tê tủy sống bằng Ropivacain liều 5 mg; 6 mg hoặc 7 mg kết hợp Fentanyl cho phẫu thuật phụ khoa vùng tầng sinh môn	2	x	Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			478/1 : 119-122	2019
76.	Đánh giá kết quả khởi phát chuyển dạ bằng sonde Cook trên thai quá ngày sinh	3		Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			478/2 : 129-132	2019
77.	So sánh các tác dụng không mong muốn của giảm đau sau phẫu thuật nội soi khớp gối bằng gây tê thần kinh đùi và thần kinh hông to dưới hướng dẫn siêu âm với gây tê ngoài màng cứng	3	x	Tạp chí y dược lâm sàng 108 ISSN:1859-2872			14/4; 63-68	2019
78.	Đánh giá hiệu quả vô cảm của gây tê khoang cùng bằng levobupivacain - fentanyl với bupivacain - fentanyl trong phẫu thuật vùng dưới rốn ở trẻ em	2		Tạp chí y dược lâm sàng 108 ISSN:1859-2872			14/4; 28-33	2019
79.	Hiệu quả giảm đau sau mổ lấy thai bằng phương pháp gây tê cơ vuông thắt lưng dưới hướng dẫn siêu âm.	3		Tạp chí nghiên cứu Y học ISSN:2354-080X			123(7) ): 54-61	2019

80.	Đánh giá hiệu quả giảm đau sau mổ lấy thai bằng gây tê mặt phẳng cơ ngang bụng (TAP block) dưới hướng dẫn của siêu âm.	3		Tạp chí nghiên cứu Y học ISSN:2354-080X			122(6): 82-88	2019
81.	Đánh giá hiệu quả kiểm soát huyết áp bằng Nicardipin khi đặt nội khí quản trong gây mê mổ lấy thai ở bệnh nhân tiền sản giật tại bệnh viện Phụ sản Trung ương	3		Tạp chí y học thực hành ISSN:1859-1663			1108/9;57-61	2019
82.	So sánh hiệu quả vô cảm của bupivacain với levobupivacain hoặc ropivacain cùng phối hợp với fentanyl trong gây tê tủy sống để mổ lấy thai.	3		Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			488/2; 130-134	2020
83.	So sánh ảnh hưởng trên tuần hoàn và các tác dụng không mong muốn khác của gây tê cơ vuông thắt lưng dưới hướng dẫn siêu âm với gây tê ngoài màng cứng để giảm đau sau mổ lấy thai.	2	X	Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			489/1: 122-126	2020
84.	Đánh giá tác dụng trên tuần hoàn, hô hấp và các tác dụng không mong muốn khác của giảm đau sau mổ lấy thai bằng gây tê mặt phẳng cơ ngang bụng dưới hướng dẫn của siêu âm.	2	x	Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			488/1: 152-156	2020
85.	Nghiên cứu các tác dụng không mong muốn của bupivacain so với levobupivacain hoặc ropivacain cùng phối hợp với fentanyl trong gây tê tủy sống để mổ lấy thai	3	x	Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			488/1: 122-126	2020

86.	Đánh giá ảnh hưởng trên huyết động của phương pháp gây tê tủy sống – ngoài màng cứng phối hợp để mổ lấy thai trên sản phụ có nguy cơ cao tụt huyết áp	3		Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			496/1 1: 337-340	2020
87.	Đánh giá hiệu quả giảm đau sau mổ cắt tử cung hoàn toàn đường bụng bằng gây tê mặt phẳng cơ ngang bụng (TAP block) dưới hướng dẫn của siêu âm	3		Tạp chí nghiên cứu Y học ISSN:2354-080X			133(9):93-98	2020
88.	So sánh hiệu quả giảm đau sau mổ cắt tử cung hoàn toàn đường bụng bằng gây tê cơ vuông thắt lưng với mặt phẳng cơ ngang bụng dưới hướng dẫn của siêu âm	3		Tạp chí nghiên cứu Y ISSN:2354-080X			133(9):86-92	2020
89.	Đánh giá tác dụng dự phòng nôn, buồn nôn của ondansetron, dexamethasone hoặc metoclopramide trong và sau mổ lấy thai dưới gây tê tủy sống	3		Tạp chí nghiên cứu Y ISSN:2354-080X			133(9):139-146	2020
90.	Nghiên cứu sử dụng các liều Phenylephrin truyền tĩnh mạch liên tục dự phòng tụt huyết áp ở bệnh nhân gây tê tủy sống để mổ lấy thai	3		Tạp chí nghiên cứu Y ISSN:2354-080X			135(1):98-104	2020
91.	Bước đầu nghiên cứu về gây mê hồi sức cho phẫu thuật Laser quang đông điều trị hội chứng truyền máu trong song thai tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội	3		Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			497(1):245-249	2020

92.	Bước đầu đánh giá hiệu quả điều trị bằng laser quang đông cho song thai hội chứng truyền máu tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội	8		Tạp chí y học thực hành ISSN:1859-1663			số 1140, tập 7, tr 218-222,	2020
93.	So sánh tác dụng trên tuần hoàn và các tác dụng không mong muốn của Ondansetron với Dexamethason hoặc Metoclopramid để dự phòng nôn, buồn nôn trong và sau mổ lấy thai	2	x	Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			499 (1 và 2): 64-68	2021
94.	So sánh một số tác dụng không mong muốn của gây tê cơ vuông thắt lưng với gây tê mặt phẳng cơ ngang bụng dưới hướng dẫn siêu âm để giảm đau sau mổ cắt tử cung hoàn toàn đường bụng	2	x	Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			500(1): 132-136	2021
95.	So sánh một số tác dụng không mong muốn của phương pháp gây tê tủy sống- ngoài màng cứng phối hợp với gây tê tủy sống đơn thuần để mổ lấy thai trên sản phụ có nguy cơ cao tụt huyết áp	2	x	Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			499 (1 và 2):164-168	2021
96.	Đánh giá ảnh hưởng lên tuần hoàn, hô hấp và một số tác dụng không mong muốn của giảm đau sau mổ cắt tử cung hoàn toàn đường bụng bằng gây tê mặt phẳng cơ ngang bụng dưới hướng dẫn của siêu âm	2	x	Tạp chí y học Việt Nam ISSN:1859-1868			500(1): 64-68	2021



- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS là: 06 bài (bao gồm các bài báo theo số thứ tự là: [9], [10], [11], [12], [13], [14])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): .....

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TĐTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): .....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ;  04 CTKH

Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

.....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: Nếu bài báo số 9 và số 12 không được tính thì xin bù bằng 01 sách Chuyên khảo: “*Gây mê hồi sức cho sản phụ tiền sản giật, sản giật : Cơ sở lý luận và áp dụng lâm sàng*”. Chủ biên. Nhà xuất bản Y học, 2019 ISBN: 978-604-66-3708-0 Số xác nhận đkxb: 2004-2019/CXBIPH/2-79/YH. Quyết định số 4793/QĐ-ĐHYHN ngày 17/7/2019.(sách số 6).

*Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: .....

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: .....

### **C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2021

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

**Nguyễn Đức Lam**